

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2020/DS-ST

Ngày: 24/8/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý;
2. Bà Nguyễn Thị Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 734/2019/TLST-DS ngày 03/12/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2020/QĐXXST-DS ngày 06/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 134/2020/QĐST-DS ngày 30/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1988

Địa chỉ: 122/18 đường B, Phường 12, quận G Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quang K, sinh năm: 1972 và bà Lê Thị Phương N, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: 31/15A Đường số 48, tổ 40, khu phố 6, phường H quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bị đơn ông Nguyễn Quang K và bà Lê Thị Phương N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) *Nội dung nguyên đơn khởi kiện*: Ngày 08/8/2017, tại Phòng công chứng số 06 Thành phố Hồ Chí Minh, bà Nguyễn Thị Bích P có cho ông Nguyễn Quang K và vợ là bà Lê Thị Phương N vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, ngày trả nợ là 08/01/2018. Ngày 07/4/2018, tại trụ sở Phòng công chứng Đông Thành Phố ông Nguyễn Quang K tiếp tục vay thêm số tiền 90.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Việc vay mượn tiền giữa hai bên được lập thành hợp đồng vay tài sản, có sự công chứng theo quy định của pháp luật. Để đảm bảo cho khoản vay trên, hai bên có thỏa thuận bằng lời nói là ông K và bà N sẽ thế chấp căn nhà trọ số 31/15A đường số 48, khu phố 6, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, giữa hai bên chưa thực hiện các thủ tục thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật, bên nhận thế chấp chưa nhận nhà, hai bên chưa thực hiện việc thế chấp này. Cho đến nay thời hạn vay đã hết, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông Quang và bà N vẫn không trả lại số tiền đã mượn mà cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Quang K và bà Lê Thị Phương N liên đới trả lại số tiền đã mượn là 290.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

(2) Đối với bị đơn ông Nguyễn Quang K và bà Lê Thị Phương N vắng mặt không có lý do khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất. Ngày 21/8/2020, bị đơn bà Lê Thị Phương N có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24/8/2020, bà N đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

(3) *Tại phiên tòa sơ thẩm*: Bị đơn ông Nguyễn Quang K tiếp tục vắng mặt không có lý do, bà Lê Thị Phương N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

(4) *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến*: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P đã có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt và bị đơn bà Lê Thị Phương N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án chấp nhận. Bị đơn ông Nguyễn Quang K đã được Tòa án tổng đạt, thông báo hợp lệ mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không có lý do chính đáng hoặc trở ngại khách quan, nên đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa bà Nguyễn Thị Bích P với ông Nguyễn Quang K và bà Lê Thị Phương N phát sinh quan hệ tranh chấp từ hợp đồng vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khi tiến hành giao dịch vay mượn

tiền, ghi trên hợp đồng vay tiền ngày 08/8/2017 và ngày 07/4/2018 thì ông K và bà N (là người có nghĩa vụ) có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại địa chỉ: 31/15A Đường số 48, tổ 40, khu phố 6, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án tiến hành xác minh thì ông K và bà N không còn cư trú tại địa chỉ trên, không rõ đi đâu và khi nào trở về. Căn cứ theo quy định khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015, trường hợp này được coi là cố tình dấu địa chỉ, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, bị đơn bà Lê Thị Phương N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Quang K vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, lời khai, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với số tiền và thời gian được ghi trong Hợp đồng vay tiền ngày 08/8/2017, lập tại Phòng công chứng số 6, Thành phố Hồ Chí Minh, có số công chứng 18657, quyển số 08 TP/CC-SCC/HĐGD, phù hợp với Hợp đồng vay có số công chứng 007161, quyển số 72/TP/CC- SCC/HĐGD lập ngày 07/4/2018 tại Văn phòng công chứng Đông Thành Phố. Toàn bộ chứng cứ này đã được công khai và đã thông báo cho bị đơn nhưng ông Nguyễn Quang K và bà Lê Thị Phương N không có ý kiến phản đối. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa bà Nguyễn Thị Bích P với vợ chồng ông K, bà N có quan hệ vay mượn tiền, số tiền tiền vay lần thứ nhất ngày 08/8/2017 là 200.000.000 đồng, số tiền vay lần thứ hai ngày 07/4/2018 là 90.000.000 đồng. Tổng số tiền bà P cho vợ chồng ông K và bà N vay là 290.000.000 đồng, thời hạn trả nợ đã hết. Căn cứ các Điều 463, 465 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay là trả đủ số tiền và đúng hạn. Tuy nhiên, đã quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận, mà ông K và bà N không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Quang K và bà Lê Thị Phương N cùng liên đới trả lại số tiền 290.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi là có căn cứ và hợp pháp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn ông Nguyễn Quang K và bà Lê Thị Phương N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, 357, 463, 465, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Quang K và bà Lê Thị Phương N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Bích P số tiền 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Bích P có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Quang K và bà Lê Thị Phương N không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì hàng tháng ông K, bà N còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 14.500.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng) buộc ông Nguyễn Quang K và bà Lê Thị Phương N liên đới phải nộp theo quy định.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích P số tiền tạm ứng án phí 7.250.000 đồng (bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0056132 ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Thiên

